

QUY TRÌNH
Quản lý sâu bệnh hại và sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật

Phần I
NHỮNG QUY ĐỊNH

1. Mục đích

Phòng trị bệnh và quản lý dịch hại trên diện tích rừng trồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cây sinh trưởng và phát triển tốt.

Một trong những chiến lược để quản lý dịch hại trên cây trồng là biện pháp phòng trừ tổng hợp (IPM) trong đó biện pháp sinh học được xem là thân thiện với môi trường được ưu tiên áp dụng trước khi sử dụng các hoạt chất khác.

Hướng dẫn thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

2. Phạm vi sử dụng

Thuốc Bảo vệ thực vật được sử dụng trong phạm vi rừng của Công ty.

3. Đối tượng sử dụng

Được sử dụng trên toàn bộ diện tích rừng trồng và khu vực vườn ươm của Công ty.

4. Tài liệu tham khảo

- Thông tư 19/2022 TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 về việc Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam;

- Sự hướng dẫn khuyến cáo sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật của Nhà sản xuất.

5. Điều khoản thi hành

- Tất cả các đơn vị trồng rừng, khai thác, vận chuyển do Công ty quản lý phải áp dụng nghiêm túc các điều khoản được nêu trong quy trình.

- Công ty có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, đánh giá và lập kế hoạch việc thực hiện Quy trình này.

Phần II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI

1. Các nguyên tắc quản lý dịch hại, sâu bệnh hại rừng trồng Keo

- Khi có dịch hại xuất hiện, cần quan sát, theo dõi, đánh giá kỹ lưỡng, xác định đúng nguyên nhân để có biện pháp xử lý có hiệu quả và kinh tế nhất.

- Việc quản lý sâu bệnh hại hạn chế cao việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu. Cần thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội đối với thuốc bảo vệ thực vật.

- Chỉ sử dụng các loại thuốc có trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Không sử dụng các loại thuốc bị cấm bởi tổ chức FSC, WHO, các công ước liên quan khác.

- Cần áp dụng nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc; đúng nồng độ, liều lượng; đúng lúc; đúng cách) khi sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật.

- Nếu sâu bệnh lạ xuất hiện chưa được ghi nhận trong tài liệu này, cần báo lên cấp trên có thẩm quyền là Chi cục thực vật, Chi cục Kiểm lâm tỉnh để được hướng dẫn xử lý.

2. Các loại bệnh, sâu thường xuất hiện trên cây keo và phòng trừ

2.1. Các loại bệnh thường xuất hiện

** Các loại bệnh:*

- Bệnh rễ: Bệnh thối cổ rễ cây, Bệnh tuyến trùng hại rễ cây con.

- Bệnh lá: Bệnh phấn trắng lá, Bệnh đốm lá cây lá rộng.....

** Các loại sâu:*

- Nhóm dế:

+ Dế dũi; Dế mèn nâu lớn; Dế mèn nâu nhỏ.

- Nhóm bọ hung:

+ Bọ hung nâu lớn; Bọ cánh cam; Bọ sừng.

- Sâu xám nhỏ.

a) Bệnh thối cổ rễ cây

- Tác nhân: Do nấm *Ganoderma* spp, *Phellinus noxius* và *Rigidoporus lignosus*.

- Phân bố:

- Tác hại: Do nấm *Ganoderma* spp, *Phellinus noxius* và *Rigidoporus lignosus*.

- Triệu chứng: Cổ rễ cây bị thối nhũn làm cây con bị chết. Bệnh thường xuất hiện ở cây con 1 tháng tuổi.

- Xử lý: Loại bỏ những cây bị bệnh.

b) Bệnh phấn trắng lá

- Tác nhân: Do nấm *Oidium* sp. gây ra. Nấm bệnh mọc trên bề mặt lá để hút dinh dưỡng. Bào tử hình trứng hoặc bầu dục, không màu, cuống bào tử hình ống, có vách ngăn.

- Phân bố: Khắp các vùng trồng keo, Bệnh bắt đầu phát sinh vào tháng 11, nặng nhất là tháng 3-4.

- Tác hại: Lá xoắn lại, màu nâu vàng, khô chết, nhưng lá không rụng.
- Triệu chứng: Lá non, chồi non và cành non mới đầu có các đốm nhỏ trong suốt, dần dần trên lá có các bột trắng, đó là sợi nấm và bào tử phân sinh. Sợi nấm phát triển ra xung quanh rồi lan rộng cả lá.
- Xử lý: Chặt bỏ toàn bộ cây bị nhiễm bệnh đưa ra khỏi rừng để tiêu diệt nguồn xâm nhiễm tránh lây lan.

c) Bệnh đốm lá (Thán thư)

- Tác nhân: do nấm *Colletotrichum gloeosporioides* Sợi nấm qua đông trong lá bệnh, mùa xuân năm sau hình thành bào tử, lây lan nhờ gió, nẩy mầm xâm nhiễm.
- Phân bố: Khắp các vùng trồng keo, bệnh phát triển mạnh vào tháng 3-5, tháng 6 giảm dần.
- Tác hại: Làm cây sinh trưởng chậm.
- Triệu chứng: Bệnh phát sinh gây hại trên lá, chủ yếu ở đầu ngọn lá và mép lá. Lúc đầu lá mất màu rồi lan rộng dần vào phiến lá, vết bệnh có thể làm khô đến nửa lá. Vết bệnh màu nâu xám hoặc nâu đen, trên bề mặt vết bệnh có các đốm, chấm đen nhỏ, lúc trời ẩm có thể thấy nhiều bộ màu hồng. Trên cành non vết bệnh lừm xuống, chung quanh củ viền đen và giữa vết bệnh có các chấm đen nhỏ.
- Xử lý: Chặt bỏ toàn bộ cây bị nhiễm bệnh đưa ra khỏi rừng để tiêu diệt nguồn xâm nhiễm tránh lây lan.

d) Bệnh đen thân

- Do nấm *Macrophomina phaseolina* Tassi gây ra. Ban đầu gốc biến thành màu nâu, lá mất màu xanh, bệnh phát triển dần lên ngọn làm lá khô héo rũ xuống phần vỏ thân co ngót, tầng trong vỏ thối đen, xốp hoặc dạng bột.
- Trong đó mọc nhiều hạch nấm màu đen. Nấm bệnh có thể xâm nhiễm vào phần gỗ, phần tủy gỗ biến thành màu nâu đen và lan dần đến phần rễ cây, nhỏ cây lên chỉ còn lại phần gỗ.
- Trong mùa nắng nóng, nhiệt độ mặt đất lên cao, phần gốc cây bị tổn thương tạo điều kiện cho bệnh xâm nhập gây hại.
- Ở những khu vực tích tụ nhiều nước, tỷ lệ cây bệnh càng tăng lên rõ rệt. Sau thời tiết mưa phùn 10 - 15 ngày bệnh bắt đầu phát sinh. Về sau tăng dần đến tháng 10. Nặng nhất là các tháng 6, 7, 8.

e) Bệnh nấm hồng

- Do nấm *Corticium salmonicolor* Berk & Br gây ra ở những vùng có lượng mưa cao.
- Bệnh thường xuất hiện vào đầu mùa mưa, dấu hiệu đầu tiên bằng mắt thường cũng dễ dàng nhận thấy có những đám màu trắng xuất hiện trên bề mặt vỏ thân cây hay cành cây ở phía bị che bóng thường ở vị trí từ 1/5 đến 1/4 chiều cao của cây tính từ ngọn.

- Đến cuối mùa mưa, lớp màu hồng da cam này nhạt dần màu trở nên màu trắng bần, vỏ cây bị nứt ra, để lộ một phần gỗ, sợi nấm xâm nhiễm vào thân, cành cây cũng như toàn bộ lá của cây từ chỗ bị nấm xâm nhiễm lên đến ngọn bị héo, chết có màu nâu và không rụng ngay.

- Đỉnh ngọn cây bị chết, đổ gãy, từ chỗ gốc, cây mọc chồi mới. Trường hợp nặng toàn bộ cây bị chết.

3. Quy trình phòng trừ tổng hợp

3.1. Biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại keo trong vườn ươm

- *Địa điểm vườn ươm*: Chọn nơi thoáng gió, đủ nắng để làm vườn ươm, vườn ươm phải cao ráo, làm mương thoát nước tránh trường hợp ngập úng lúc có trời mưa. Vườn ươm phải có hệ thống rào xung quanh để bảo vệ sự phá hoại của động vật bên ngoài.

- *Cây giống*: Chọn mua giống từ các trung tâm, chủ vườn ươm cây giống bảo đảm giống tốt, uy tín và có chất lượng, (kiểm tra giống keo là giống gì, keo lai, keo tai tượng hay là keo lá tràm xuất xứ giống ở đâu trước khi nhận giống, không mua giống ở những nơi giống không đảm bảo chất lượng).

- *Chuẩn bị đất vườn ươm*: Không lấy đất ở tầng có nhiều rễ cỏ, hạt cỏ. Cần loại bỏ rễ cây, đá tạp, ấu trùng sâu hại.

+ Phải chọn đất có độ chua thích hợp, không được lấy đất đã qua sản xuất nông nghiệp, tốt nhất là đất mùn trên đồi núi có chứa nấm cộng sinh, đất được đập nhỏ, phơi phơi và sàng qua lưới sắt có lỗ nhỏ 0,5 x 0,5cm, sau đó kết hợp với 10% phân vi sinh và 1-1,5% Super lân. Trộn đều và ủ sau 3 ngày thì mới đóng bầu tránh nguồn xâm nhiễm của mầm bệnh.

+ Trong vườn ươm nền luống phải thẳng, thoát nước tốt, kích thước khoảng 1m, chiều dài tùy theo diện tích vườn ươm. Trước khi ươm cây 7-10 ngày nên diệt trừ kiến, mối, diệt trừ cỏ thân ngầm (cỏ lác, lồng vực...), cỏ dại và ngừa một số loại nấm bệnh trong đất.

- *Thời vụ gieo ươm*: Từ tháng 3 đến tháng 10.

- *Bón phân*: Bón cân đối các loại phân N, P, K, ưu tiên sử dụng phân vi sinh.

- *Chăm sóc cây con*:

Đối với cây nuôi cấy mô phải có giàn che bằng lưới đen để giảm cường độ ánh nắng (độ tàn che từ 0,7 – 0,8) trong thời gian 1 tháng đầu sau khi cấy cây vào bầu. Sau khi cấy cây mạ xong, phải tủ kín rọ ngay bằng bạt trắng theo khung vòm đã làm sẵn để cây con không bị tiếp xúc trực tiếp với môi trường bên ngoài. Khi cây đã ra 2, 3 lá thật thì tiến hành gỡ dần bạt trắng để cây làm quen dần với môi trường bên ngoài, sau đó gỡ hẳn bạt trắng. Cần tưới nước sạch vào buổi sáng hoặc chiều mát bằng hệ thống phun sương tự động đã được làm vệ sinh sạch sẽ, tránh nguồn lây nhiễm của nấm bệnh.

Đối với cây giâm hom thì không cần làm giàn che và cách ly với môi trường sau khi giâm hom. Tiến hành tưới nước sạch bằng hệ thống phun sương tự động.

Chú ý điều chỉnh lượng nước tưới phù hợp với điều kiện thời tiết, tránh không để thừa ứ nước, hoặc thiếu nước cây bị héo lá.

- *Làm cỏ phá váng*: Sau khi cây bắt đầu ổn định thì cần phải làm cỏ phá váng tạo thông thoáng gốc rễ cây, sau khoảng 15-20 ngày phá váng thấy lá có màu vàng cần bón bổ sung theo cách sau: phân Urê 0,2% + phân Lân 0,5%, tưới 4 lít/1 m², cứ 10-15 ngày 1 lần, tưới cho đến khi cây xanh. Sau khi tưới phân xong phải tưới lại bằng nước lạnh sạch. Chấm dứt việc bón thúc ít nhất 1 tháng trước khi đem trồng.

- *Vệ sinh vườn ươm*: Phải thường xuyên vệ sinh vườn ươm sạch cỏ tránh nơi trú ẩn của các loài sâu hại trong vườn ươm.

- *Phòng trừ sâu bệnh trong vườn ươm*: Cây keo thường xuất hiện bệnh phấn trắng trong vườn ươm, cần chú ý biện pháp phòng ngừa, nếu bệnh xuất hiện cần xử lý ngay.

3.2. Biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại keo tại vườn trồng

- Tuân thủ quy trình trồng keo của Công ty đã ban hành.

- Biện pháp vật lý cơ giới.

+ Bẫy dính: Sâu non của sâu nâu vạch xám có tập tính di chuyển theo thân cây qua lại giữa nơi cư trú vào ban ngày và nơi lấy thức ăn vào ban đêm nên có thể sử dụng biện pháp ngăn chặn sâu bằng vòng dính. Sử dụng keo dính chuột làm vòng dính. Để vòng dính phát huy hiệu quả keo phải được bôi kín toàn bộ vùng thân cây cách mặt đất 1,3m với bề rộng 8-10cm.

+ Bắt giết thủ công: Khi các loại sâu có nguy cơ phát dịch, mật độ tăng cao ở giai đoạn tuổi nhỏ (dưới 4 năm tuổi), có thể huy động nhân lực tham gia vào việc bắt giết các ổ trứng, kén sâu, ngắt bỏ các cành lá bị bệnh nặng đem đốt trong quá trình chăm sóc cây.

+ Đánh bả độc, mồi nhử: Sử dụng (cám rang + rau xanh băm nhỏ) 4 phần + thuốc sâu 1 phần để đánh bả dế và sâu xám vào ban đêm. Hạn chế sử dụng biện pháp này.

- Biện pháp sinh học

- Bảo vệ các loài thiên địch sẵn có trên vườn keo của sâu nâu vạch xám, sâu kền, sâu gập mép lá bằng cách hạn chế sử dụng thuốc hóa học, tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học, bảo vệ tầng cây bụi thảm tươi để có nơi cho thiên địch trú ngụ.

+ Sâu nâu vạch xám: Có nhiều thiên địch như côn trùng ăn thịt thuộc bộ bọ ngựa (Mantodea), họ kiến (Formicidae), động vật ăn sâu bọ như bò sát, lưỡng cư, côn trùng ký sinh như ong kén cánh tím (*Meteorus narangae* Sonan), ong kén nâu vàng (*Cedria paradoxa* Wilkinson), ruồi ký sinh (*Exorista sorbillans* Wiedemann, *Withemia diversa* Malloch). Trong số các loài thiên địch kể trên kiến, ong kén cánh tím và ruồi ký sinh có vai trò rất quan trọng trong việc kiểm soát sâu xám. Ong kén cánh tím làm cho sâu non chết hàng loạt, kén của loài ong này có thể dính bám trên thân hay lá cây. Ruồi ký sinh gây bệnh chết cho sâu non tuổi lớn và nặng.

+ Sâu kèn: Bảo vệ các loài thiên địch như: ong, nhện, kiến. Vì vậy ở những khu vực có tổ kiến thường không cần phun thuốc hoá học để bảo vệ kiến.

- Sử dụng các chế phẩm sinh học để phòng trừ mối

+ Trước khi đem trồng pha trộn chế phẩm sinh học với đất bột hoặc phân vi sinh, phân hữu cơ bón cho 500m² đất. Rắc đều thuốc xuống hố và trên mặt hố trước khi trồng cây rồi lấp đất.

+ Hoặc trước khi đem trồng dùng môi nhử mối đến (bả mía, cỏ, cành khô lá rụng...), khi mối đến phun chế phẩm sinh học vào mối, cho mối dính thuốc chạy về tổ, sau đó xếp hộp mối nhử lại đúng vị trí cũ, 5-7 ngày sau khi mối rút hết về tổ thì dọn bỏ hộp.

Ghi chú: Khi sử dụng biện pháp sinh học mà gây ra những thiệt hại về môi trường Công ty sẽ báo lên cơ quan chức năng phối hợp giải quyết kịp thời những thiệt hại này.

Phần III **QUY ĐỊNH SỬ DỤNG THUỐC**

1. Đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội

a) Yêu cầu của đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội.

- Nhận dạng được mối nguy hiểm của thuốc trừ sâu.
- Các nguy cơ tiếp xúc với thuốc.
- Các biến số về tiếp xúc với thuốc.

b) Các bước thực hiện

Bước 1: Các nguy hại của thuốc.

- Phân loại theo danh sách bị cấm, bị hạn chế sử dụng cao và bị hạn chế sử dụng theo chính sách POL-30-001.

Bước 2: Phạm vi phun thuốc.

- Mục đích: xác định các đối tượng, vùng bị ảnh hưởng.
- Cách xác định:
 - + Diện tích bao nhiêu ha.
 - + Vị trí tiểu khu, khoảnh, lô.
 - + Có tiếp giáp với người dân không?
 - + Có gần hành lang ven suối không?

Bước 3: Cường độ, hình thức phun thuốc

- Nồng độ thuốc.
- Liều lượng thuốc.
- Tần suất phun.
- Khoảng thời gian áp dụng.

- Phương pháp áp dụng (phun lá, trên không, tại chỗ,...).
- Thiết bị phun.
- Thiết bị bảo hộ lao động.

Bước 4: Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng

- Xác định các đối tượng ảnh hưởng: Đất, nước, không khí và người dân xung quanh.

Bước 5: Kế hoạch bồi thường thiệt hại

- Xây dựng kế hoạch bồi thường nếu thiệt hại của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có xảy ra.

2. Quy định sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng

- Đúng thuốc: Mỗi thuốc chỉ dùng để phòng trừ cho đối tượng thích hợp. Không sử dụng các loại thuốc trong danh mục thuốc BVTV cấm do Công ty ban hành.
- Đúng nồng độ, liều lượng: Không tự ý tăng, giảm nồng độ, liều lượng vì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý hoặc có tác dụng ngược gây hại cho người và cây.
- Đúng lúc: Đúng giai đoạn phát sinh phát triển của tác nhân gây hại để thuốc có tác dụng, đạt hiệu quả cao.
- Đúng cách: mỗi loại thuốc có cách dùng khác nhau. Phải theo đặc tính của thuốc và sự hướng dẫn trong quy trình.

3. An toàn khi dùng thuốc Bảo vệ thực vật

- Cần có trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc (*Tuân thủ theo danh mục các thiết bị lao động phù hợp với các hoạt động sản xuất lâm nghiệp*). Sau khi phun phải thay quần áo và giặt sạch. Thời gian tiếp xúc thuốc tối đa không quá 6h trong ngày.
- Không ăn, hút thuốc trong khi phun thuốc.
- Không sử dụng bình phun bị rò rỉ có thể gây ngộ độc. Rửa sạch bình sau khi phun và không đổ xuống ao, hồ hoặc nơi chăn thả gia súc.
- Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả các bộ phận của cơ thể. Nếu bị dính thuốc cần rửa ngay nhiều lần bằng nước sạch và xà phòng.
- Không sử dụng bao bì đựng thuốc, phân bón vào bất kỳ mục đích nào.
- Không sử dụng bao bì thực phẩm để đựng thuốc BVTV.
- Trong trường hợp bị ngộ độc, áp dụng tất cả các phương tiện để cấp cứu và đưa đến cơ quan y tế gần nhất cùng với thuốc gây ngộ độc.

4. Bảo quản thuốc Bảo vệ thực vật

- Thuốc cần có nhãn hiệu rõ ràng.
- Các loại thuốc phải xếp riêng theo đối tượng phòng trị.

5. Triệu chứng ngộ độc thuốc Bảo vệ thực vật

Tất cả thuốc Bảo vệ thực vật đều gây độc cho người sử dụng. Triệu chứng có thể biểu hiện ngay sau khi nhiễm độc, hoặc sau vài giờ hoặc vài ngày. Tùy vào

độc tính, liều lượng mức độ nhiễm và thời gian tiếp xúc với thuốc mà có biểu hiện khác nhau:

- Ngộ độc nhẹ: Đau đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, rát da (mắt, mũi, họng), tiêu chảy, đỏ mề hôi, ăn không ngon (mất vị giác).

- Ngộ độc trung bình: Nôn mửa, mờ mắt, đau bụng dữ dội, mạch đập nhanh, khó thở, co đồng tử mắt, đỏ mề hôi nhiều, cơ run rẩy, co giật...

- Ngộ độc nặng: Cơ bắp co giật, không thở được, mất tỉnh táo, mạch đập yếu. Trong một vài trường hợp có thể gây tử vong.

- Khi tai nạn xảy ra, nạn nhân bị mê man tức thì, chắc chắn đã bị ngộ độc thuốc, cần có biện pháp cấp cứu kịp thời. Lưu ý: Trường hợp ngộ độc nặng biểu hiện sau 12 giờ kể từ khi tiếp xúc với thuốc là do nguyên nhân khác.

- Kiểu ngộ độc:

+ Ngộ độc cấp tính: Là hậu quả của tai nạn, hoặc tự tử.

+ Ngộ độc mãn tính: Do tiếp xúc lặp đi lặp lại nhiều lần với một lượng thuốc đáng kể.

6. Sơ cứu khi bị ngộ độc thuốc Bảo vệ thực vật

- Nhanh chóng chuyển nạn nhân ra khỏi vùng nhiễm thuốc.

- Nếu nạn nhân không còn thở tiến hành hô hấp nhân tạo.

- Thay quần áo nhiễm thuốc, lau rửa cơ thể nạn nhân bằng xà phòng và nước sạch. Tránh gây vết thương trên da vì sẽ làm thuốc xâm nhập cơ thể nạn nhân nhanh hơn.

- Nếu mắt bị dính thuốc, phải rửa nhiều lần bằng nước sạch, ít nhất trong 15'.

- Nếu nạn nhân bị co giật dùng gạc, lược...chặn giữa hai hàm răng để tránh nạn nhân cắn đứt lưỡi.

- Giữ ấm, thoáng và yên tĩnh cho nạn nhân và nhanh chóng đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất cùng với thuốc gây ngộ độc.

7. Xử lý bao bì, chai lọ thuốc Bảo vệ thực vật sau khi sử dụng

- Người sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật có trách nhiệm: Thu gom bao gói, chai lọ thuốc BVTN sau sử dụng vào dụng cụ chứa và được thu gom bởi cơ quan có chức năng nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

- Không chôn lấp rác thải và không thực hiện việc chuyển rác thải tại kênh rạch, hồ. Không để chất thải còn sót lại trong rừng.

Phần IV THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các Đội, Trạm sản xuất

- Lập kế hoạch sử dụng phân bón, thuốc Bảo vệ thực vật trong năm.

- Giám sát tình hình sâu bệnh hại và báo về phòng Kế hoạch - Kỹ thuật nhằm có biện pháp xử lý.

- Thực hiện ghi chép nhật ký sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật theo phụ lục 1.

2. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

- Tổng hợp và lập danh mục các loại phân bón, thuốc trừ sâu trình giám đốc phê duyệt hàng năm.
- Lập kế hoạch và kiểm tra, giám sát việc sử dụng phân bón, thuốc Bảo vệ thực vật tại các trạm, các đơn vị thi công trong hoạt động lâm nghiệp.
- Theo dõi tình hình sâu bệnh hại nhằm có phương hướng xử lý kịp thời.
- Tập huấn cho cán bộ sử dụng phân bón và thuốc Bảo vệ thực vật về việc tuân thủ an toàn lao động và quy trình sử dụng.

3. Phòng Kế toán – Tài chính

- Lập kế hoạch và tổ chức mua phân bón, thuốc Bảo vệ thực vật theo đúng chủng loại mà phòng Kỹ thuật - Tổng hợp đề nghị.
- Thực hiện các quy định về việc bảo quản và an toàn khi vận chuyển, sử dụng thuốc.

Đề nghị các phòng nghiệp vụ, đội sản xuất và Trạm cùng đơn vị thi công nghiêm túc thực hiện nội dung quy trình trên. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn vướng mắc báo cáo về Công ty để kịp thời xử lý. /-*ng*

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo Công ty;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Các Đội, trạm QLBR;
- Đội sản xuất cây giống;
- Đơn vị thi công;
- Lưu: VT, KH.



GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Hề